

Số: *630*./QĐ-UBND

Tân Yên, ngày *13* tháng *7* năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung
xây dựng nông thôn mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết 26/NQ-TU của Ban chấp hành TƯ Đảng lần thứ 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/2009/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc quyết định sửa đổi một số tiêu chí của bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TTBNNPTNT ngày 04/10/2013 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn (2016-2020);

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Căn cứ Quyết định số 96/2010/QĐ-UBND ngày 27/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 1324/SXD-QHĐT ngày 23/10/2014 của Sở Xây dựng Bắc Giang về việc Hướng dẫn thực hiện rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 04/12/2012 của UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Xét Báo cáo thẩm định số 2324/BCTĐ-KTHT ngày 13/7/2017 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và Tờ trình số...../TTr-UBND ngày...../7/2016 của UBND xã Việt Ngọc về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên đến năm 2025 gồm những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi, ranh giới điều chỉnh quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2025.

1.2. Phạm vi, ranh giới điều chỉnh quy hoạch

Việt Ngọc là xã miền núi của huyện Tân Yên, diện tích tự nhiên là 866,66 ha. Về địa giới hành chính, xã Việt Ngọc có các vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp với xã Lam Cốt, huyện Tân Yên và tỉnh Thái Nguyên;
- Phía Đông giáp xã Song Vân và Ngọc Vân, huyện Tân Yên;
- Phía Nam giáp xã Lương Phong, huyện Hiệp Hoà;
- Phía Tây giáp xã Hoàng Thanh và Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hoà.

2. Lý do, sự cần thiết phải điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch được duyệt từ năm 2012, đến nay có một số nội dung không phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn mới. Sự thay đổi về chính sách, chủ trương và định hướng quy hoạch tổng thể làm ảnh hưởng tới các dự báo của quy hoạch xây dựng nên cần điều chỉnh sao cho phù hợp với tình hình thực tế và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch

- Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã, tiến tới đạt chuẩn xã nông thôn mới.
- rà soát các hạng mục đã quy hoạch, điều chỉnh sao cho phù hợp với tính năng sử dụng và kinh tế của địa phương;
- Có cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý.
- Định hướng tổ chức không gian kiến trúc, sinh hoạt, hệ thống công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất toàn xã.
- Làm cơ sở pháp lý cho việc cấp giấy phép quy hoạch, lập các dự án đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Nội dung điều chỉnh, gồm:

* Quy hoạch đất ở mới

Lý do: Đáp ứng nhu cầu tăng dân số đến năm 2025 và tạo nguồn lực để đầu tư xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Nội dung điều chỉnh:

Tên thôn	Diện tích bổ sung quy hoạch mới (m ²)	Trước khi điều chỉnh
Thôn Đồng Xứng	8.000+1.000	Là đất trồng lúa+ đất văn hóa
Thôn Cầu Trại II	5.590	Là đất trồng lúa
Thôn Thề Hội	14.800	Là đất trồng lúa
Thôn Trại Tón	3.900	Là đất trồng lúa
Thôn Nành	20.423	Là đất trồng lúa
Thôn Phú Thọ	750	Là đất nhà văn hóa
Thôn An Lạc I	2.977	Là đất trồng lúa
Thôn An Lạc II	7.487	Là đất trồng lúa và 1.040 m ² đất văn hóa hiện trạng
Thôn Chính	2.280+335	Là đất trồng lúa và 335 m ² đất văn hóa cũ
Thôn Dĩnh	13.982	Là đất trồng lúa
Khu trung tâm xã (Ngõ Nành, Dĩnh, Cầu Trại)	186.174	Là khu dân cư tập trung bao gồm các công trình kinh doanh dịch vụ, đất ở nông thôn, đất văn hóa thể thao, cây xanh phục vụ nội bộ khu dân cư

* Quy hoạch đất công trình công cộng cấp xã, cấp thôn

Lý do: Đáp ứng nhu cầu tăng dân số đến năm 2025 và đảm bảo chỉ tiêu theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Nội dung điều chỉnh:

- Trụ sở UBND xã mở rộng thêm 3.510 m², lấy từ đất chợ hiện trạng.
- Bổ sung đất đội quản lý điện lực 200 m², lấy từ đất trồng lúa.
- Trường mầm non khu trung tâm mở rộng thêm 7.000 m², lấy từ 5.200 m² đất trồng lúa và 1.800 m² đất y tế hiện trạng.
- Quy hoạch đất y tế 5.170 m², lấy từ đất trồng lúa.
- Mở rộng đất quỹ tín dụng thêm 1.700 m², lấy từ đất trồng lúa.

- Quy hoạch khu văn hóa thể thao thôn An Lạc 2 quy mô 7.980 m², lấy từ đất màu.

- Quy hoạch sân thể thao thôn Phú Thọ quy mô 2.500 m², lấy từ đất lúa.

** Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh dịch vụ*

Lý do: Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã

Nội dung điều chỉnh:

- Quy hoạch chợ nông thôn quy mô 10.000 m² tại khu dân cư trung tâm xã thuộc thôn Ngõ Giữa, lấy từ đất trồng lúa.

- Quy hoạch 1 cây xăng quy mô 4.000 m² thuộc thôn Dĩnh, đổi diện trường mầm non, lấy từ đất trồng lúa.

- Quy hoạch bãi tập kết vật liệu xây dựng quy mô 5.000 m² thuộc thôn Nành, lấy từ đất trồng màu.

- Quy hoạch bãi tập kết vật liệu xây dựng quy mô 8.094 m² thuộc thôn Đàm Lác, lấy từ đất trồng lúa.

** Quy hoạch đất sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*

Lý do: Đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã và kêu gọi các nhà đầu tư.

Nội dung điều chỉnh:

- Quy hoạch Cụm công nghiệp Việt Ngọc quy mô 36 ha, trước điều chỉnh là đất trồng lúa, đất mặt nước, đất quy hoạch bãi đỗ xe và đất thương mại dịch vụ.

** Quy hoạch đất rác thải và nghĩa trang*

Lý do: Đáp ứng nhu cầu thiết thực của địa phương

Nội dung điều chỉnh:

- Quy hoạch mỗi thôn 1 điểm tập kết rác thải diện tích khoảng 100m² sau đó vận chuyển bằng xe chuyên dụng đến khu xử lý rác thải tập trung của xã;

- Quy hoạch khu rác thải tập trung giáp Ngòi thuộc thôn Trại Hai quy mô 1,7 ha, lấy từ đất trồng lúa và trồng màu.

- Bỏ quy hoạch khu rác thải tập trung tại đồng Lò Ngói quy mô 1,5 ha.

** Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp*

Lý do: Chuyển đổi mục đích cây trồng, tăng năng suất và chất lượng thực phẩm nông nghiệp.

Nội dung điều chỉnh:

+ Vùng trồng cây ăn quả:

- Quy hoạch toàn bộ vùng đất đồi phía Bắc của xã làm vùng sản xuất cây ăn quả theo chỉ đạo của huyện và định hướng phát triển của tỉnh thuộc các thôn Cầu

Trại 1, 2; Thê Hội; Tân An; Trại Hạ; Việt Hùng; Đầm Lác; Phố Mới; An Lạc 1, 2; Phú Thọ.

- Quy hoạch 1 điểm sản xuất cây ăn quả quy mô 0,88 ha tại thôn Nành, lấy từ đất trồng lúa không hiệu quả.

- Quy hoạch 1 điểm sản xuất cây ăn quả quy mô 0,13 ha tại thôn Chính, lấy từ đất trồng lúa không hiệu quả.

+ Khu chăn nuôi tập trung:

- Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung tại đồng Công Quán, thôn Đồng Xứng quy mô 2,5 ha lấy từ đất trồng lúa.

- Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung tại đồng Cửa Mường, thôn Ngõ Nành quy mô 0,88 ha lấy từ đất trồng lúa.

- Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung tại khu đồng Ram thôn Cầu Trại I quy mô 1,51 ha lấy từ đất trồng lúa.

- Quy hoạch mở rộng khu chăn nuôi tập trung thôn Đầm Lác lên quy mô 5,3 ha lấy từ đất trồng màu.

+ Khu nuôi trồng thủy sản:

- Quy hoạch mở rộng, bổ sung khu thủy sản tại thôn Cầu Trại 2 tổng quy mô 1,27 ha lấy từ đất trồng lúa.

- Quy hoạch mở rộng, bổ sung khu thủy sản kết hợp chăn nuôi tại thôn Đầm Lác tổng quy mô 4,4 ha lấy từ đất trồng lúa.

- Quy hoạch khu thủy sản tại thôn Trại Hạ, thôn Việt Hùng tổng quy mô 3,2 ha lấy từ đất trồng lúa.

* *Bổ sung quy hoạch ngành điện:* Đường dây 110 kV từ trạm 500 kV Hiệp Hòa đến trạm 110 kV dự kiến.

5. Các nội dung khác giữ nguyên như đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Việt Ngọc được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 4348/QĐ-UBND ngày 04/12/2012.

6. Quy hoạch sử dụng đất xã đến năm 2025

STT	Loại đất	Mã	Hiện trạng năm 2016		Quy hoạch đến năm 2025	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
	Tổng diện tích đất tự nhiên		866,66	100,00	866,66	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	527,73	60,9	451,50	52,1

1.1	Đất lúa nước	DLN	380,88	3,9	301,12	34,7
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN	-	-	-	
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	97,83	11,3	62,49	7,2
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	17,24	2,0	29,84	3,4
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	-		-	
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD	-		-	
	<i>Trong đó: Khu bảo tồn thiên nhiên</i>	<i>DBT</i>				
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX	1,43	0,2	1,41	0,2
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	30,35	3,5	56,64	6,5
1.9	Đất làm muối	LMU	-		-	
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	-		-	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	131,14	15,1	180,61	20,8
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,23	0,0	0,57	0,1
2.2	Đất quốc phòng	CQP	-			
2.3	Đất an ninh	CAN	-			
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK	-		36,20	4,2
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	15,43	1,8	17,14	2,0
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ	SKX	-			
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	-			
2.8	Đất di tích danh thắng	DDT	-			
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA	-		1,91	0,2
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TIN	1,50	0,2	1,50	0,2

2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	9,92	1,1	10,26	1,2
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	15,85	1,8	15,85	1,8
2.13	Đất sông, suối	SON	-			
2.14	Đất phát triển hạ tầng	DHT	88,21	10,2	97,17	11,2
	Đất giao thông	DGT	59,06	6,8	61,46	7,1
	Đất thủy lợi	DTL	20,94	2,4	20,94	2,4
	Đất công trình năng lượng	DNL	-			
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,01	0,0	0,01	0,0
	Đất cơ sở văn hoá	DVH	1,93	0,2	1,96	0,2
	Đất cơ sở y tế	DYT	0,22	0,0	0,52	0,1
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,93	0,2	2,45	0,3
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	3,78	0,4	8,84	1,0
	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	-			
	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	-			
	Đất chợ	DCH	0,34	0,0	1,00	0,1
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-			
3	Đất chưa sử dụng	DCS	5,01	0,6	5,01	0,6
4	Đất khu du lịch	DDL	-			
5	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	202,78	23,4	229,55	26,5
	<i>Trong đó: Đất ở tại nông thôn</i>	<i>ONT</i>	202,78	23,4	229,55	26,5

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016-2020

Việc xây dựng nông thôn mới lấy người nông dân làm chủ thể, người dân tự xây dựng nông thôn mới. Để tránh tình trạng đầu tư xây dựng vào các hạng mục chưa cấp thiết, mang tính cấp bách, gây lãng phí nguồn vốn đầu tư. Vì vậy, hàng năm UBND xã cần xây dựng kế hoạch cũng như danh mục các hạng mục công trình thiết thực, trước mắt gắn liền với phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn, nâng cao năng suất, nâng cao thu nhập cho nhân dân.

Để đạt chuẩn nông thôn mới, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng của xã cần đạt các tiêu chí tối thiểu theo quy định

8. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Quy chế quản lý quy hoạch nông thôn mới được ban hành kèm theo Quyết định này.

9. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng

9.1. Tiến độ.

Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch để đạt chuẩn xã NTM năm 2019;

Giai đoạn 2016-2025: Cứng hóa tất cả các tuyến đường trục, thôn, xóm còn lại; đầu tư cải tạo, nâng cấp các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như, NVH, sân thể thao các thôn, nghĩa trang...; đầu tư các dự án về giáo dục, dạy nghề.

9.2. Giải pháp tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để người dân thay đổi ý thức và trách nhiệm trong việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới;

Tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong việc triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

Các nguồn vốn phục vụ đầu tư xây dựng nông thôn mới gồm:

+ Kinh phí từ đấu giá quyền sử dụng đất ở.

+ Kinh phí thuê đất từ các hộ gia đình kinh doanh thương mại dịch vụ, các hộ sản xuất TTCN, các doanh nghiệp.

+ Các nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020: Vốn ngân sách trung ương và địa phương bao gồm vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và vốn hỗ trợ 100% hoặc hỗ trợ một phần từ ngân sách trung ương; Vốn tín dụng đầu tư phát triển và thương mại; Vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác; Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư.

- Biện pháp quản lý: Đối với điểm dân cư tập trung nằm dọc các trục đường, khi xây dựng mới các công trình cần tuân thủ quy định theo chỉ giới quy hoạch. Đối với đầu tư xây dựng các dự án cần thực hiện nghiêm túc theo quy hoạch được duyệt.

Điều 2. Trên cơ sở đồ án điều chỉnh quy hoạch được duyệt, UBND xã Việt Ngọc có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, thực hiện nghiêm chỉnh đồ án quy hoạch đã phê duyệt.

2. Căn cứ vào nội dung điều chỉnh quy hoạch chung UBND xã Việt Ngọc tiến hành kiểm tra, rà soát các mốc giới đã đưa ra ngoài thực địa cho phù hợp và tổ chức quản lý quy hoạch xây dựng theo đúng hồ sơ điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND huyện, Phòng KT&HT, TC-KH, TNMT, NN&PTNT, UBND xã Việt Ngọc và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 49

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT. 16

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Lai